

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kông Chro**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kông Chro thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Công ty).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Công ty thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

b) Đại diện Chủ sở hữu công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước là Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

đ) Nghị định số 91/2015/NĐ-CP là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

e) Nghị định số 10/2019/NĐ-CP là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

g) Nghị định số 23/2022/NĐ-CP là Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính Phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

h) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh

ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Trường hợp có sự khác nhau giữa các văn bản thì thực hiện theo quy định của pháp luật và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

5. Trong trường hợp các quy định có liên quan thay đổi mà Điều lệ chưa thay đổi thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

2. Tên viết tắt bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

3. Mã số doanh nghiệp (mã số thuế): 5900187857

4. Trụ sở chính Công ty: TDP Plei Ktỏh, 77 Lê Lai, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

5. Điện thoại: 0269.835364 Fax: 0269.835176

6. Email: Lnkongchro@yahoo.com

7. Trang thông tin điện tử: lamnghiepkongchro.com.vn

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam tại các ngân hàng trong nước theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của Công ty.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu Công ty thành đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích về lâm nghiệp trên địa bàn huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao nhằm bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, tổ chức sản xuất lâm sản hàng hóa, dịch vụ và tăng doanh thu và lợi nhuận; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước giao tại doanh nghiệp.

c) Từng bước tạo sự chuyển biến về phương thức quản trị doanh nghiệp làm nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích về lâm nghiệp; tổ chức sản xuất công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa; đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

2. Nhiệm vụ:

a) Nhiệm vụ công ích: Công ty có trách nhiệm cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích về lâm nghiệp, là trung tâm liên kết, hỗ trợ phát triển sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai; trọng tâm là quản lý, bảo vệ, chăm sóc và khoanh nuôi trên diện tích rừng và đất rừng được nhà nước giao;

b) Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh: Tổ chức sản xuất, kinh doanh trên diện tích đất rừng được nhà nước cho thuê.

3. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo đơn đặt hàng hoặc giao kế hoạch hàng năm	0240 (chính)
2	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ vốn rừng	0210
3	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng	0220
4	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
5	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Chế biến và tiêu thụ nông, lâm sản	0163
7	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ rừng trồng	1610
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông	4669

	ng nghiệp	
10	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông lâm nghiệp; Tư vấn, thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh	7490

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Mức vốn điều lệ: 19.110.118.355 đồng (Mười chín tỷ, một trăm mười triệu, một trăm mười tám nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng).

2. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh trong quá trình kinh doanh theo quy định của pháp luật, thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Đại diện Chủ sở hữu

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty. Chủ tịch Công ty là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định.

Điều 9. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, quản lý tất cả hoạt động của Công ty.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Công ty

Căn cứ quyền của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà, pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty quy định chi tiết các quyền của Công ty, trong đó:

1. Quyền của Công ty đối với đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 4 Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ; Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/ NĐ- CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của Công ty

Căn cứ nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước; Điều lệ công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của Công ty, trong đó đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

- a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
- b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu;
- đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;
- e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;
- h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- i) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư;
- k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 13. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai:

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập.

Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;

3. Quyết định vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty;

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Kiểm soát viên và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên;

5. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm, hằng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát;

6. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của Công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty;

7. Quyết định lương của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm;

8. Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

9. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Công ty;

10. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Tổ chức thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ:

Ủy ban nhân dân tỉnh có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Đại diện chủ sở hữu nhà nước có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc,

Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu và tài sản của Công ty;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phải giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 15. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc, Ban kiểm soát.

2. Cơ cấu tổ chức điều hành, quản lý Công ty gồm:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc;
- Ban Kiểm soát; Kiểm soát viên;
- Phó Giám đốc; Kế toán trưởng;

- Bộ máy giúp việc: Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty gồm phòng: Phòng Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng.

MỤC 1

CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC

Điều 17. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty¹

1. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại công ty đó trước khi được bổ nhiệm lần đầu. Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 93 và Điều 94 của Luật Doanh nghiệp.

3. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Quyết định của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu Công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 92 và Điều 97 của Luật này.

6. Tiền lương, phụ cấp, của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc được tính vào chi phí quản lý Công ty.

7. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty.

¹ Điều 81, Điều 99 Luật Doanh nghiệp

8. Quyết định thuộc thẩm quyền Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

9. Quyết định của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

10. Trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc xuất cảnh khỏi Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 18. Quyền, trách nhiệm với vai trò Chủ tịch Công ty²

1. Chủ tịch Công ty đề nghị cấp có thẩm quyền quy định tại các điều 40, 41 và 42 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Chủ tịch.

2. Chủ tịch Công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt về các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp;

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

c) Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước;

d) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Công ty quyết định về các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp;

b) Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm;

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền;

đ) Xây dựng, ban hành bảng lương và xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật

² Theo quy định tại Điều 44 Luật Quản lý vốn nhà nước, Điều 92, 97 Luật Doanh nghiệp năm 2020

theo khoản 2, Điều 2 Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ;

4. Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

7. Chủ tịch Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty³.

a) Tuân thủ Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty và quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Quyền, trách nhiệm với vai trò Giám đốc Công ty⁴

1. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của công ty;

³ Điều 97 Luật Doanh nghiệp năm 2020

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty đã được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chấp thuận;

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người quản lý công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

e) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

g) Lập và trình Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính;

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Chủ tịch Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Trách nhiệm của Giám đốc⁵.

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại diện Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Đại diện Chủ sở hữu Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

⁴ Điều 162 Luật Doanh nghiệp

⁵ Điều 83 Luật Doanh nghiệp

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc⁶

1. Thường trú tại Việt Nam, Chủ tịch Công ty phải là công dân Việt Nam.
2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên.
5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
6. Không là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác trong những trường hợp quy định tại điểm a, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 18 Điều lệ này.
7. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.
8. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.
9. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

Điều 21. Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc⁷

1. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 93 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

⁶ Theo quy định tại Điều 44 Luật Quản lý vốn nhà nước và Điều 64, 93, 101 Luật Doanh nghiệp

⁷ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 99; Khoản 1 Điều 94 Luật Doanh nghiệp 2020

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc.

2. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

MỤC 2

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty:

1. Không được để người có quan hệ gia đình của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 người. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 02 Phó Giám đốc, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định, nhưng không quá 05 năm. Phó giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm lại khi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty.

4. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quản lý, điều hành Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Căn cứ quy mô của Công ty, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định thành lập Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty đó. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoạt động theo quy chế do chủ sở hữu ban hành.

4. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh

nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty.

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 25. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh.

2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.

3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

4. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty.

5. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

6. Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

7. Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn, giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

8. Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 của Điều này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 26. Quyền của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp của Công ty, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh với Công ty; chất vấn Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Yêu cầu Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

4. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên. Công ty phối hợp với Ban kiểm soát, Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

5. Kiểm soát viên được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác của Kiểm soát viên sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu. Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện theo khung mức chi do chủ sở hữu quyết định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tiền lương và lợi ích khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên và Kiểm soát viên phụ trách chung căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

3. Chế độ chi trả tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kiểm soát viên chuyên trách được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Công ty như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

Điều 28. Trách nhiệm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định của chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu Công ty. Quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của chủ sở hữu và quy định của Công ty. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh

của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Phải thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin và thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho chủ sở hữu về các doanh nghiệp mà Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và người có liên quan của Kiểm soát viên làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Chủ động báo cáo và khuyến nghị kịp thời tới chủ sở hữu về những hoạt động bất thường, trái với pháp luật và các quy định của chủ sở hữu; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin từ chức và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

c) Được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 30. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc

1. Công ty, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc có quyền được chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được chủ sở hữu giao, Công ty có quyền báo cáo chủ sở hữu và thông báo cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Công ty, chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Khi Ban kiểm soát, Kiểm soát viên gửi báo cáo đến chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty, trừ trường hợp có quy định khác của chủ sở hữu. Trường hợp Công ty có ý kiến khác Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

Mục 4

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 31. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động, thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Đề xuất, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Các nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động được quyết định những nội dung sau:

a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật.

d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

đ) Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

3. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

d) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động.

đ) Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc lập kế hoạch để thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với tổ chức Công đoàn.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 33. Quản lý tài chính Công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính tại doanh nghiệp và Quy chế quản lý tài chính do chủ sở hữu phê duyệt.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN GIAO QUYỀN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 34. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 35. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước

Thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp, Chương IV Nghị định số 23/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 36. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

Thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều 21 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 37. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định Mục 4. Nghị định số 23/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 38. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật phá sản và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 39. Báo cáo và thông tin cho Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc lập và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.

b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc có quyền yêu cầu Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận trực thuộc cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

4. Kiểm soát viên trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hằng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng trường hợp.

Điều 40. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của Công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty.

b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm, thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 6 của năm thực hiện.

c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm.

e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác, thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty.

2. Báo cáo thực trạng quản trị Công ty bao gồm các thông tin sau đây:

a) Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Thông tin về người quản lý Công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao; mức và cách thức chi trả tiền lương, thưởng và lợi ích khác; người có liên quan và lợi ích có liên quan của người quản lý Công ty.

c) Quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

d) Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ.

đ) Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

e) Thông tin về người có liên quan của Công ty, hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.

g) Thông tin khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Thông tin được công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

5. Nguyên tắc, hình thức, phương tiện công bố thông tin, tài khoản công bố thông tin của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các điều 20, 21, 22 của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Điều 41. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Công ty về các

thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.
2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
4. Thay đổi thành viên Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.
5. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý Công ty.
6. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Công ty.
7. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính.
8. Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 43. Dấu của doanh nghiệp⁸

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

⁸ Điều 43 Luật Doanh nghiệp

5. Chủ tịch Công ty, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

2. Chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Quế